TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2026
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Lý

2. Ông Vũ Đức Kiểu

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Vui – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1984. CCCD số: 091184010114

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn S, sinh năm 1980. CCCD số: 091080006565

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp S, xã M, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phan Thị B trình bày:***

Về hôn nhân: Tôi và anh S thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2002 tại UBND thị trấn S (nay là UBND xã M). Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi có 02 con chung tên Đoàn Thanh T, sinh năm 2003 và Đoàn Mỹ P, sinh năm 2007**.** Trong thời gian chung sống, **v**ợ chồng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm dành cho nhau không còn nữa. Hai bên đã sống ly thân từ nhiều tháng nay.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh S để mỗi bên có cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Các con tôi đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

Về nợ chung: Chúng tôi không có thiếu nợ ai

**** Đối với bị đơn ông Đoàn Văn S:***

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được thông báo hợp lệ cho ông Đoàn Văn S theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng ông S không có mặt tại Toà án và cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà B nên không có lời khai của ông S tại Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn đã được thông báo hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị B, Hội đồng xét xử nhận định: Bà B và ông S lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, giấy đăng ký kết hôn ngày 25/11/2002 tại UBND thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã M, tỉnh An Giang). Như vậy, việc kết hôn của ông bà đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên dần dần ông bà bất đồng quan điểm, không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, ông bà đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay.

Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình tiến bộ và hạnh phúc. Hơn nữa, việc chung sống vợ chồng là phát sinh từ sự tự nguyện của hai bên, nay bà B xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông S. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận.

[2.4] Về nợ chung: bà B xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

[4]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị B được ly hôn với ông Đoàn Văn S.

2. Về án phí: Bà Phan Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang theo biên lai thu số 0006856 ngày 31 tháng 10 năm 2025. Bà B không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ toạ Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ Thuận (để theo dõi);
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc